

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **16/2023/HS-ST**
Ngày: 05-5-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoàng Trung**.

Ông **Lê Văn Thưởng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Lê Văn P, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1995, tại Tiền Giang, ĐKTT: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Lê Văn H, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1966.

- Bị cáo có vợ tên Võ Thị Mỹ Y và 01 người con sinh năm 2017.

- Tiền án: 03:

+ Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 12/6/2018 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án, về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 27/6/2019 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng của Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 12/6/2018, buộc Lê Văn P phải chấp hành hình phạt chung 02 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2019. (Ngày phạm tội 31/01/2019).

+ Bản án số Bản án số 39/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hình phạt 02 năm 09 tháng tù của Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 27/6/2019, buộc Lê Văn P phải chấp hành hình phạt chung 04 năm 03 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2019. (Ngày phạm tội 25 và 27/01/2019). Chấp hành xong án phí của 03 bản án vào năm 2018, 2019 và 2020. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/3/2022, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: 00.

- Đặc điểm nhân thân:

+ Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện C, tuyên phạt Lê Văn P 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày phạm tội: 02 và 04/6/2022.

+ Bản án số 24/2023/HS-PT ngày 07/3/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 28/9/2022, buộc Lê Văn P phải chấp hành hình phạt chung 07 năm tù, thời gian chấp hành tính từ ngày 09/6/2022; Ngày phạm tội: 30/5/2022; 06 và 07/6/2022.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam P, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Lê Hữu V (Tên gọi khác V M), sinh ngày 01 tháng 12 năm 2000, tại Tiền Giang; ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; Họ tên mẹ: Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1980.

- Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Mạch Hoàng Mỹ T2, sinh năm 2000, có 02 người con cùng sinh năm 2016.

- Tiền án: 01, Bản án số 47/2020/HS-ST ngày 18/8/2020 của TAND thị xã C, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt Lê Hữu V 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Được tha tù trước hạn có điều kiện ngày 15/9/2021, thử thách 21 ngày; Chấp hành xong án phạt tù ngày 05/10/2021, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: 02

+ Quyết định số 0001211/QĐ-XPHC ngày 10/8/2022 của Công an huyện C, xử phạt Lê Hữu V 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Đóng phạt ngày 04/8/2022;

+ Quyết định số 0000058/QĐ-XPHC ngày 26/8/2022 của Công an huyện T, xử phạt Lê Hữu V 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; đóng phạt ngày 14/02/2023.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông **Lê Văn X**, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Anh **Huỳnh Công T3**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 07/6/2022, bị cáo Lê Văn P rủ bị cáo Lê Hữu V tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, bị cáo V đồng ý. Bị cáo V sử dụng xuồng composite (vỏ lãi) màu xanh-trắng, gắn động cơ thủy chơ bị cáo P đi trên Kênh Trương Văn Sanh để tìm tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 08/6/2022, khi cả 02 đến ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, bị cáo V phát hiện bên trong căn chòi tol không có cửa, không người trông coi của ông Lê Văn X có nhiều xe mô tô 02 bánh, cả 02 thống nhất lấy trộm tài sản trong chòi tol này. Bị cáo V điều khiển xuồng máy đi giấu cách chòi khoảng 200 mét. Cả 02 đi vào trong chòi, bị cáo P lấy trộm xe mô tô 02 bánh biển kiểm soát 63K3-1658, bị cáo V lấy trộm xe 63FH- 6594, dẫn ra khỏi chòi được khoảng 100 mét. Bị cáo P khởi động xe 63FH- 6594, nhưng không được nên cả 02 thống nhất giấu xe này vào bụi cây cỏ ven đường. Sau đó, bị cáo P điều khiển xe 63K3-1658 về nhà tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo V điều khiển xuồng máy đi về nhà tại ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi bị cáo P đang tìm người để bán

chiếc xe máy 63K3-1658 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C bắt, giữ khẩn cấp để điều tra về hành vi cùng đồng phạm trộm cắp tài sản xảy ra tại thị xã C. Qua trình báo của bị hại, phối hợp điều tra, tại Cơ quan điều tra, cả 02 bị cáo Lê Văn P và Lê Hữu V khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 (một) chiếc xe mô tô 02 bánh, loại Dream, màu nâu, không gắn biển số (xe 63K3-1658), số khung bị mài mòn, số máy 1P50FMG-3*10190680*; xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HOLDER, biển số 63FH-6594, màu nâu, số máy FMP-3*10027617*, số khung 3XCB50X1A027617, xe cũ đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 406/KL-HĐĐGTS ngày 16/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phước, xác định: Giá trị còn lại của chiếc xe biển số 63FH-6594 tại thời điểm ngày 08/6/2022, có giá trị thành tiền là 1.300.000 đồng; Giá trị còn lại của chiếc xe biển số 63K3-1658 tại thời điểm ngày 08/6/2022, có giá trị thành tiền là 1.100.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của 02 chiếc xe máy này là 2.400.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 02 xe máy trên cho bị hại ông Lê Văn X và anh Huỳnh Công T3. Cả 02 đã nhận lại tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị hại ông Lê Văn X và anh Huỳnh Công T3 đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 23/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với bị cáo Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Lê Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo đối với bị cáo Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung

năm 2017 và truy tố bị cáo Lê Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 02 năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù của bản án số 24/2023/HS-PT ngày 07/3/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 53 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hữu V từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo chịu án phí.

- Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bị hại ông Lê Văn X thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đã nhận lại xe, không yêu cầu gì thêm.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời, trở lại làm ăn chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về sự vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên tòa:* Tại phiên tòa, bị hại là anh Huỳnh Công T3 vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, quá trình điều tra anh T3 đã có lời khai đầy đủ, đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì, các bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, việc vắng anh T3 không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do

đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T3 theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. *Về tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn P và Lê Hữu V đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Lê Hữu V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng số 11/CT-VKSTP ngày 23/02/2023 truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.1]. Các bị cáo P, V biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án, các bị cáo là thanh niên khỏe, mạnh nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, chây lười lao động, ý thức xem thường pháp luật, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã lợi dụng điều kiện vắng vẻ, ít người qua lại, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế các bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của các bị cáo, việc chiếc xe máy biển kiểm soát 63FH- 6594 không khởi động được nên bị cáo phải vớt lại xe máy là ngoài ý chí chủ quan của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an toàn trật tự xã hội nói chung.

[4]. *Xét vai trò đồng phạm trong vụ án; Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

[4.1]. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo Lê Văn P đóng vai trò là người rủ rê, khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản”, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm

nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo P.

[4.2]. Trong vụ án này, bị cáo Lê Hữu V có vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo V.

[4.3]. *Về hình phạt bổ sung:*

Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. *Về vật chứng của vụ án:*

[5.1]. 01 (một) chiếc xe mô tô 02 bánh, loại Dream, màu nâu, không gắn biển số (63K3-1658), số khung bị mài mòn, số máy 1P50FMG-3*10190680*; xe cũ đã qua sử dụng, đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Văn X, ngày 21/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phước đã giao trả xe cho ông X xong, ông X không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5.2]. 01 (một) chiếc xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu HOLDER, biển số 63FH-6594, màu nâu, số máy FMP-3*10027617*, số khung 3XCB50X1A027617, xe cũ đã qua sử dụng, đây là tài sản hợp pháp của anh Huỳnh Công T3, ngày 22/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao trả xe cho anh T3 xong, anh Thoại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5.3]. Đối với phương tiện phạm tội gồm có 01 (một) máy xăng hiệu HONDA, 01 (một) dàn máy (sắt xi) bằng kim loại, 01 (một) chân vịt bằng kim loại 03 cánh và 01 (một) xuống nhựa composite (vỏ lái) màu xanh –trắng. Qua điều tra, các tài sản này là phương tiện dùng để phạm tội trong vụ án trộm cắp tài sản khác xảy ra tại huyện C, đã được xử lý bằng hình thức: Tịch thu sung quỹ Nhà nước,

theo Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí:*

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo:*

Các bị cáo, ông Lê Văn X được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh Huỳnh Công T3 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[8]. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lê Văn P và Lê Hữu V** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 24/2023/HS-PT ngày 07/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và Quyết định thi hành án hình phạt tù số 14/2023/QĐ-CA ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các bản án là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09/6/2022.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu V 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/11/2022.

2. Về án phí:

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Lê Hữu V phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo và người bị hại ông Lê Văn X được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh Huỳnh Công T3 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Hải Âu